

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022

Thực hiện Công văn số 3462/UBND-KGVX ngày 13/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số; Công văn số 5545/BKHCN-KTXHS ngày 12/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc triển khai tổng kết thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*ban hành tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ*), Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, báo cáo tình hình kết quả, thực hiện như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

Thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ động tham mưu UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để triển khai. Cụ thể:

- Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 22/4/2022 về triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.
- Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 về phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Thành lập Tổ công tác chuyển đổi số ngành khoa học và công nghệ và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng, đơn vị trực thuộc trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, quản trị dữ liệu, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, và triển khai đề tài nghiên cứu phục vụ kinh tế số.
- Công tác tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số được tổ chức thường xuyên, gắn với triển khai “Ngày Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi” (tháng 9 hàng năm).

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Quyết định số 411/QĐ-TTg **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 411/QĐ-TTg**

Kèm theo Phụ lục 1

III. Đánh giá và kiến nghị

1. Đánh giá chung

a. Thuận lợi

- Việc triển khai Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số tại tỉnh Quảng Ngãi đã đạt kết quả tích cực, góp phần quan trọng trong đổi mới phương thức quản lý nhà nước, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hình thành nền tảng dữ liệu KH&CN đồng bộ.

- Các nhiệm vụ về phát triển dữ liệu, hạ tầng, nhân lực và doanh nghiệp số đều có bước tiến rõ rệt, dù quy mô còn nhỏ.

b. Khó khăn vướng mắc

- Nguồn lực tài chính còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư hạ tầng số và duy trì cơ sở dữ liệu lớn.

- Thiếu nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực dữ liệu, AI, IoT, an toàn thông tin.

- Một số quy định pháp lý về chia sẻ dữ liệu, bản quyền dữ liệu khoa học vẫn đang hoàn thiện.

- Việc triển khai các nền tảng số, CSDL, HTTT còn khó khăn do phụ thuộc nhiều vào sự tham gia và năng lực khai thác của các cá nhân, cơ quan, đơn vị. Một số HTTT dùng chung toàn quốc còn chưa đáp ứng nhu cầu khai thác tại địa phương; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu còn bất cập, rào cản. Công tác chuyển đổi số theo ngành, lĩnh vực theo nhiệm vụ do UBND về Chuyển đổi số giao năm 2024 còn chậm thực hiện, có một phần nguyên nhân từ bộ chuyên ngành; một số cơ quan trong tỉnh còn né tránh việc triển khai các nhiệm vụ về Chuyển đổi số.

- Mức độ quan tâm về ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất kinh doanh của một số lượng không ít doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh là còn hạn chế. Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ngày 07/1/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phát triển doanh nghiệp công nghệ số theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 12/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh là còn nhiều khó khăn.

2. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ ngành liên quan hướng dẫn đồng bộ về chuẩn dữ liệu, bảo mật, và khai thác dữ liệu mở trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Xây dựng, ban hành, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực.

- Ban hành bộ tiêu chí đo lường về xã hội số và định kỳ hàng năm thực hiện điều tra, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường về xã hội số ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương.

- Hướng dẫn xây dựng, hoạch định chính sách phát triển kinh tế số và tổ chức thu thập số liệu liên quan về tỷ trọng Kinh tế số trong GRDP.

- Đề nghị Bộ Tài chính, Tổng Cục thống kê cung cấp trực tuyến nhằm cung cấp đầy đủ dữ liệu về kinh tế số tại địa phương, làm cơ sở để địa phương có hoạch định chính sách phát triển kinh tế số theo tháng, quý. Hiện nay, Tổng Cục thống kê chỉ cung cấp 1 lần số liệu tổng hợp vào cuối năm là khó khăn cho địa phương.

Trên đây là Báo cáo Tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của tỉnh Quảng Ngãi. Kính báo cáo Vụ Kinh tế và Xã hội số tổng hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Vụ Kinh tế và Xã hội số;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, BCVT&CDS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Huy Hoàng

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 411/QĐ-TTg NGÀY 31/3/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*(kèm theo Báo cáo số /BC-SKHCN ngày tháng 11 năm 2025
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi)*

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
A	PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG CHO KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ				
I	Hoàn thiện thể chế				
1	Rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với sự phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh; rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực để cụ thể hóa việc thúc đẩy giao dịch điện tử trong mọi mặt kinh tế - xã hội; xây dựng các chính sách để bảo đảm tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% tổng số hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2022 - 2025	Đáp ứng yêu cầu	Kể từ thời điểm ban hành Quyết định số 906/QĐ-UBND, Quảng Ngãi đã ban hành 40 văn bản (Tỉnh ủy: 03; Hội đồng nhân dân tỉnh: 02; UBND tỉnh: 35); chỉ đạo triển khai, thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số và xã hội số; xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh, Khung pháp lý kỹ thuật về địa chỉ IPv6, định mức dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực KH&CN; ban hành và áp dụng bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số các cơ quan nhà nước tỉnh. Các sở, ngành và địa phương đã tích cực triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xã hội số theo Quyết định 411/QĐ-TTg. Hầu hết đã ban hành kế hoạch riêng, gắn với chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
2	Xây dựng, ban hành, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực				
II	Phát triển hạ tầng				
1	Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, tổ dân phố, khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng. Triển khai Nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu	2022 - 2025	Đạt	- Phủ sóng mạng: + Đã phủ sóng 100% các xã, phường với mạng di động băng rộng; khoảng 95–98% các thôn, tổ dân phố có Internet cáp quang hoặc 4G/5G. + Các khu dân cư trọng điểm, trung tâm hành chính xã/phường được trang bị mạng cáp quang tốc độ cao. - Tỷ lệ người dùng Internet: + Tỷ lệ người dân sử dụng Internet tại các khu vực nông thôn tăng lên khoảng 85–88%, so với mức khoảng 60–65% trước khi triển khai. + Việc sử dụng Internet phục vụ học tập, kinh doanh và dịch vụ công trực tuyến tăng rõ rệt, đặc biệt trong các xã miền núi và đặc khu. - Dung lượng và chất lượng kết nối: + Các trạm phát sóng được nâng cấp, tốc độ truy cập mạng tăng trung bình 2–3 lần so với trước. + Chất lượng dịch vụ Internet và thoại ổn định hơn, giảm tình trạng nghẽn mạng, đặc biệt trong giờ cao điểm.

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
					- Ứng dụng trong quản lý và dịch vụ công: + Hỗ trợ quản lý dân cư, đất đai, cấp phép đầu tư và quy hoạch đô thị. + Phục vụ dịch vụ công trực tuyến, logistics, và các dự án phát triển kinh tế số tại địa phương. + Hệ thống bản đồ số giúp giám sát tình trạng hạ tầng và quy hoạch phát triển, tạo cơ sở dữ liệu nền cho các dự án thông minh hóa trong tương lai.
III	Phát triển nền tảng số				
1	Đề xuất các nền tảng số quốc gia phù hợp nhu cầu; tích cực phối hợp phát triển và đưa các nền số quốc gia vào sử dụng. Xác định các nền tảng số của ngành, lĩnh vực, địa phương và xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để phát triển và thúc đẩy sử dụng các nền tảng số	Sở Khoa học và Công nghệ, sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2022 - 2025	Đạt	- Tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI); và ứng dụng di động trên các nền tảng số để phục vụ thực hiện chuyển đổi số toàn diện (1) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP; (2) Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; (3) Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; (4) Ứng dụng trên nền tảng di động phục vụ Cán bộ công chức viên chức; (5) Nền tảng họp trực tuyến: Sử dụng VNPT meeting; (6) Nền tảng quản trị tổng thể của cơ quan đảng.
2	Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển cũng như xác định rõ địa vị pháp lý của các nền tảng số quốc gia trong ngành,	Sở Khoa học và Công nghệ, sở, ban, ngành, UBND các xã, phường,	2022 - 2025	Đạt	Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 09/08/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
	lĩnh vực địa bàn được giao quản lý	đặc khu			
IV	Phát triển dữ liệu số				
1	Xây dựng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp bộ, tỉnh				Tỉnh Quảng Ngãi xây dựng và đưa vào sử dụng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung tỉnh Quảng Ngãi; Cổng dữ liệu mở tỉnh Quảng Ngãi; triển khai thí điểm Trung tâm IOC.
V	Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng				
1	Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2022 – 2025	Đạt	Thực hiện định hướng của Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia và Chiến lược phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, tỉnh Quảng Ngãi chú trọng an toàn thông tin trong toàn bộ quá trình xây dựng, phát triển và vận hành hạ tầng số, nền tảng số.
2	Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2022 – 2025	Đạt	- Mô hình bảo vệ 04 lớp an toàn thông tin đã được áp dụng tại hầu hết các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp xã; đã hướng dẫn, giám sát việc thực hiện và kiểm tra định kỳ hàng năm. Hiện tại nhiệm vụ này Công an tỉnh Quảng Ngãi triển khai thực hiện.
VI	Phát triển nhân lực số				
1	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường, đặc khu	2022 - 2030	Đáp ứng	Phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam triển khai tập huấn nâng cao kỹ năng số và an toàn Internet dành cho giáo viên trung học; phối hợp với Trường Đại học FPT (Phân hiệu FPT Bình Định) tổ chức tập huấn “STEM trong kỷ

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
	tiểu học và phổ thông				nguyên trí tuệ nhân tạo” cho giáo viên trung học cơ sở và trung học phổ thông với nhiều nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn giảng và dạy học như: AI, Machine learning; Microbit.
VII Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hóa số					
1	Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2022 - 2025	Đạt	- Phong trào Bình dân học vụ số: (1) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Lễ Phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” và tập huấn Kỹ năng ứng dụng AI trong xử lý công việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thúc đẩy tiếp tục đẩy mạnh triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh; (2) Hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai đồng bộ phong trào "Bình dân học vụ số", "Ngày hội toàn dân học tập số" và "Ngày chuyển đổi số quốc gia"; (3) Triển khai lớp tập huấn trên nền tảng trực tuyến tại Cổng Bình dân học vụ số tỉnh Quảng Ngãi. Thống kê số liệu đến hiện tại¹: Tổng số tài khoản học viên tham gia: 45.941 học viên, trong đó có 26.501 học viên là CBCCVC và 19.440 học viên là người dân; Tổng số học viên đã hoàn thành khóa học và được cấp chứng nhận: 30.142 người (đạt 65.6 %). - Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kỹ năng số cho CBCCVC xã, phường, đặc khu: (1) Tập huấn kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan nhà nước tại Lễ phát động Phong trào “Bình dân học vụ số”

¹ Số liệu tính đến ngày 28/10/2025

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
					trên địa bàn tỉnh; (2) Tập huấn hướng dẫn quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cho cán bộ, công chức, viên chức là đầu mối triển khai ứng dụng chữ ký số tại UBND các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh; (3) Tập huấn cho các đối tượng quản lý, vận hành, khai thác điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin: Lớp 1 tại khu vực phía Tây Quảng Ngãi, lớp 2 tại khu vực Đông Quảng Ngãi. - Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên hỗ trợ, giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để hỗ trợ nghiệp vụ; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có văn bản phân công cụ thể công chức, viên chức của Trung tâm làm đầu mối hỗ trợ trực tiếp chuyên môn cho 96 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, tham mưu tổ chức 02 hội nghị tập huấn (vào ngày 12 và 13/7/2025) về công tác tổ chức, vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho gần 800 cán bộ, công chức của 96 xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và một số sở chuyên môn đã thiết lập các kênh phối hợp, trao đổi thông tin thường xuyên với địa phương, nhằm kịp thời hỗ trợ nghiệp vụ và xử lý linh hoạt các tình huống phát sinh hàng ngày, góp phần bảo đảm hoạt động tiếp nhận và giải quyết TTHC tại cấp xã được triển khai đồng bộ, thông suốt, hiệu quả. - 100% cán bộ, công chức cấp

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
					tính được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản; 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành. - Hướng dẫn các xã, phường, đặc khu thành lập và tổ chức hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng tại địa phương. Đây là lực lượng nòng cốt, là “cánh tay nối dài” của chính quyền trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ trực tiếp người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số, nhất là dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, định danh điện tử, ... Các địa phương hoàn thành kiện toàn thành lập 1.477 Tổ Công nghệ số cộng đồng (theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và đến 100% cấp thôn) với hơn 12.198 thành viên, trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số. - Tạo group Zalo hỗ trợ chuyển đổi số cho 96 cấp xã với hơn 600 thành viên để kịp thời xử lý, hỗ trợ và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai công tác chuyển đổi số tại các địa phương. - Tổ chức lễ phát động phong trào chuyển đổi số ngành GDĐT, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh về công tác chuyển đổi số trong GDĐT; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành và học sinh.
2	Hàng năm thực hiện sát hạch, đánh giá, công bố	Sở Khoa học và Công	2022 - 2025	Đạt	- Từ 2022–2025, đã tổ chức hàng năm các đợt sát hạch kỹ năng số cho học sinh, sinh viên trên toàn tỉnh.

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
	kỹ năng số của học sinh, sinh viên, công chức, viên chức và người lao động trong các doanh nghiệp	nghe; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu			- Cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện sát hạch định kỳ hàng năm, tập trung vào kỹ năng sử dụng nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, bảo mật thông tin và quản lý dữ liệu;
3	Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, được trang bị phương tiện số; hỗ trợ triển khai đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2022 - 2025	Đạt	- Tăng cường tiếp cận dịch vụ số, giảm khoảng cách số giữa khu vực thành thị và nông thôn. - Người dân được trang bị kỹ năng số cơ bản, có khả năng sử dụng thiết bị thông minh, dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng IoT. - Thúc đẩy văn hóa số, nâng cao nhận thức về bảo mật thông tin cá nhân và an toàn thông tin mạng.
4	Triển khai các chương trình đẩy mạnh phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2022 - 2025	Đạt	- Tỉnh Quảng Ngãi đã đạt được bước tiến: tỷ lệ thanh toán trực tuyến dịch vụ công cao, hạ tầng Internet, điện thoại thông minh phổ biến hơn. Ví dụ: từ năm 2022 đến 7/2025, gần 310 tỷ đồng được thanh toán trực tuyến qua dịch vụ công. - Chuyển đổi số với người dân được chú trọng: tại đặc khu Lý Sơn, người dân sử dụng điện thoại thông minh, thanh toán QR, dịch vụ công trực

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
	sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số				tuyến. - Tuyên truyền và đào tạo “bình dân học vụ số” được triển khai: hơn 24.000 lượt tham gia khóa học trực tuyến tại tỉnh.
VIII Phát triển doanh nghiệp số					
1	Sử dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để làm thước đo chuyển đổi số của doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Sở Công Thương; UBND các xã, phường, đặc khu	2022 - 2025	Đang triển khai	Đã triển khai Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia
2	Xây dựng và triển khai Chương	Sở Khoa học và	2022 - 2025	Đạt	- Doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic: Triển khai tư vấn,

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
	trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực đạt mức độ chuyển đổi số cao để hình thành các doanh nghiệp số; nhắc nhở, đôn đốc các doanh nghiệp chậm chuyển đổi số	Công nghệ; Sở Công Thương; UBND các xã, phường, đặc khu			đào tạo và hỗ trợ giải pháp số hóa vận hành, quản lý đơn hàng, tracking, logistics thông minh. Số lượng doanh nghiệp tham gia: khoảng 50–60 doanh nghiệp. - 80% website thương mại điện tử của các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh có tích hợp chức năng đặt hàng trực tuyến; 50% doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch TMĐT, bao gồm mạng xã hội có chức năng sàn giao dịch thương mại điện tử; 40% doanh nghiệp tham gia hoạt động thương mại điện tử trên các ứng dụng di động; 100% doanh nghiệp có ứng dụng các phần mềm chuyên dụng trong hoạt động quản lý sản xuất và kinh doanh. - 100% các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại cho phép người tiêu dùng thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng; 90% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông trên địa bàn tỉnh triển khai hợp đồng điện tử với người tiêu dùng và chấp nhận thanh toán phí dịch vụ của các hộ gia đình qua phương tiện điện tử. - 90% cơ sở kinh doanh trong các lĩnh vực thương mại dịch vụ như vận tải, văn hoá, thể thao và du lịch phát triển các kênh giao dịch điện tử phục vụ người tiêu dùng.
IX	Phát triển thanh toán số				
1	Triển khai Chương trình hỗ trợ bệnh viện, trường học thực	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở	2022 - 2025	Đạt	UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt “Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
	hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị	Y tế, Sở Giáo dục, UBND các xã, phường, đặc khu			viện, cơ sở y tế” đến năm 2025. * Ngành Giáo dục: Từ năm học 2022-2023, các trường học trên địa bàn Quảng Ngãi đã áp dụng phương thức thu học phí và các dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt. Kết quả: - 100% cơ sở giáo dục đã triển khai khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt. Số lượng đơn vị có phát sinh giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 94%. - Số học sinh đã thực hiện nộp học phí và các khoản thu khác (BHYT, tiền ăn bán trú...) bằng phương thức không dùng tiền mặt là: 195.294 lượt thanh toán và giá trị giao dịch là 130.899.917.741 đồng. Đạt tỷ lệ: 94.02%. * Ngành Y tế – bệnh viện: + Các cơ sở y tế tại Quảng Ngãi đang đẩy mạnh phương thức thanh toán viện phí không dùng tiền mặt bằng thẻ ATM, mã QR, điện thoại di động. Ví dụ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi đã ký hợp tác với ngân hàng để triển khai thanh toán viện phí qua mã QR động. + Theo báo cáo, trong tháng 3/2025: có 6.834 lượt thanh toán viện phí không dùng tiền mặt trên tổng gần 23.000 lượt (30%) tại Quảng Ngãi.
X	Phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương				
1	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành	Các Sở, ngành, UBND	2022 – 2025	Đáp ứng	Hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu của bộ

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
	động phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, địa phương	các xã, phường, đặc khu			chỉ số đánh giá chuyển đổi số các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, bộ chỉ số đảm bảo đánh giá về các lĩnh vực Chính quyền số, kinh tế số, xã hội
2	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực, địa phương	Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2022 – 2025		
3	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực, địa phương	Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2022 – 2025	Đáp ứng	UBND tỉnh đã ban hành quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 về Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Ngãi
4	Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực, địa bàn	Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2022 – 2025		- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không tiền mặt, định danh điện tử (VneID), và các ứng dụng chuyển đổi số khác. - Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không tiền mặt, định danh điện tử (VneID), và các ứng dụng chuyển đổi số khác.
C	CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ				

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
I	Tổ chức, bộ máy, mạng lưới				
1	Kiện toàn và tổ chức hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi.	Sở Khoa học và Công nghệ	2022 – 2023	Đạt	- Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi hoạt động thường xuyên, hiệu quả, được kiện toàn đầy đủ các thành viên theo Quyết định của UBND tỉnh. - Đã ban hành kế hoạch công tác hằng năm, phân công rõ nhiệm vụ cho từng sở, ngành, địa phương; duy trì họp định kỳ hằng quý để kiểm điểm tiến độ và tháo gỡ khó khăn. - Tăng cường vai trò chỉ đạo, điều phối thống nhất trong triển khai các chương trình, dự án, nền tảng số cấp tỉnh. - Đã thành lập và duy trì hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng tại 100% xã, phường, thị trấn và từng thôn, tổ dân phố trong toàn tỉnh. - Đã thành lập và duy trì hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng tại 100% xã, phường, thị trấn và từng thôn, tổ dân phố trong toàn tỉnh. - Mỗi tổ gồm cán bộ văn hóa – thông tin, đoàn viên thanh niên, công an viên, hội phụ nữ, nông dân, làm nòng cốt hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số. - Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không tiền mặt, định danh điện tử (VneID), và các ứng dụng chuyển đổi số khác. - Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không tiền mặt, định danh điện tử (VneID), và các ứng dụng

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
					chuyển đổi số khác.
2	Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng thôn, tổ dân phố	UBND các xã, phường, đặc khu	2022 – 2025	Đạt	Đã thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng ở tất cả Tổ dân phố trên địa bàn phường, xã và Tổ ứng cứu công nghệ và hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính
II Hợp tác về phát triển kinh tế số, xã hội số					
1	Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2022 – 2025	Đạt	- Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp nền tảng số để triển khai các chương trình tuyên truyền, tập huấn kỹ năng số cho người dân. - Tăng cường nhận thức về chuyển đổi số, nâng cao kỹ năng số cơ bản cho người dân, đặc biệt tại các khu vực nông thôn và vùng sâu vùng xa; cải thiện khả năng sử dụng các dịch vụ công điện tử và nền tảng số trong đời sống hàng ngày. * Ngành Nông nghiệp và Môi trường: - Hợp tác với tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt nam xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và môi trường, qua đó đã tập huấn cho công chức, viên chức, người lao động và các cơ sở tham gia tập huấn kỹ năng số và đưa thông tin của chủ cơ sở lên hệ thống cơ sở dữ liệu theo địa chỉ csdlnnmt.quangngai.gov.vn; nongsan.quangngai.gov.vn - Hiện nay tỉnh Quảng Ngãi đang sử dụng hệ thống thông tin đất đai VBDLIS do Liên danh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội và Công ty Cổ phần Tin học – Bản đồ Việt Nam cung cấp theo Hợp đồng số 01/HĐTDV/VBDLIS ngày 22/01/2025 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/VBDLIS ký ngày

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
					21/3/2025 giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi và Liên danh.
2	Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào tỉnh	Các sở, ban, ngành	2022 – 2025	Hoàn thành	Các sở, ban, ngành đã chủ động phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài nhằm thu hút nguồn lực, tri thức, và kinh nghiệm về chuyển đổi số. Một số dự án chuyển giao công nghệ số, giải pháp quản lý thông minh, và đào tạo nguồn nhân lực được triển khai, nâng cao năng lực vận hành các hệ thống số cho các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp địa phương.
III Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số và xã hội số					
1	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số, về kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2022 – 2025	Đạt	+ Thúc đẩy sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường, đặc khu trong triển khai kinh tế số – xã hội số. + Góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển kinh tế số, xã hội số theo kế hoạch đề ra.
2	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở. Triển khai các kênh tư vấn,	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2022 – 2025	Đạt	- Tổ chức các chương trình tuyên truyền và phổ biến rộng khắp về: Các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình. - Thực hiện trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo tiếp cận đa dạng đối tượng. - Hỗ trợ nâng cao kỹ năng số cho người dân: - Triển khai các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số.

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
	hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số				- Hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng hiệu quả nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.
IV	Đo lường, giám sát triển khai				
1	Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số, xã hội số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2022 – 2025	Hàng năm	Hàng năm, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu đã triển khai thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát về kinh tế số, xã hội số.
2	Ban hành bộ tiêu chí đo lường về xã hội số và định kỳ hàng năm thực hiện điều tra, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường về xã hội số ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu			Chờ Các Bộ liên quan triển khai
V	Bảo đảm kinh phí cho phát triển kinh tế số và xã hội số				
1	Huy động tối đa các nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này bao gồm: ngân sách	Sở Tài chính; Sở Tài chính; các sở, ban,	2022 - 2025	Hoàn thành	- Các doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng đã tham gia đầu tư vào các chương trình, dự án kinh tế số, xã hội số. - Các mô hình hợp tác công – tư

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
	nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác	ngành, UBND các xã, phường, đặc khu			(PPP) được triển khai, đóng góp tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch.
2	Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, phát triển kinh tế số và xã hội số ngành và lĩnh vực và các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện	Sở Tài chính; Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2022 - 2025	Tiếp tục thực hiện	Giai đoạn 2022-2024, hai tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum đã quan tâm bố trí kinh phí 91,7 tỷ đồng triển khai các ứng dụng, giải pháp về phát triển nông nghiệp công nghệ cao, lĩnh vực Công thương, Y tế, Giáo dục và Đề án 06 trên địa bàn 2 tỉnh.
3	Hướng dẫn, ưu tiên chi cho chuyển đổi số, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, phấn đấu tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trong tổng chi ngân sách nhà nước cao hơn mức trung bình của thế giới			Đáp ứng	Hướng dẫn triển khai hàng năm
VI	Giảm thiểu các tác động tiêu cực của công nghệ số				
1	Đánh giá các tác	Sở Y tế,	2022 -	Đang	- Thực hiện các nghiên cứu, khảo sát

STT	Phụ lục kèm theo QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ - TTg			Mức độ hoàn thành	Kết quả chi tiết
	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Thời gian		
	động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số	Sở Nội vụ, UBND các xã, phường, đặc khu	2025	thực hiện	về tác động của công nghệ số đến xã hội, bao gồm các khía cạnh: sức khỏe, giáo dục, việc làm, quản lý hành chính, văn hóa – xã hội. - Xác định các rủi ro, tác động tiêu cực tiềm ẩn từ việc ứng dụng công nghệ số.